Biểu mẫu 01
TT 36/2017/BGDĐT
TT 36/2017/BGDĐT

PHÒNG GDĐT TP THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG MẦM NON HOA LAN

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, Học kỳ 1 - năm học 2022 – 2023

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	**Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ dự kiến đạt được**	- 100% trẻ được khám sức khỏe 2 lần/ năm - Cân đo trẻ theo quý 3 tháng 1 lần (tháng 9, 12, 3 thực hiện tổng cân đo) - 100% trẻ được đánh giá tình trạng dinh dưỡng và theo dõi biểu đồ phát triển - 100% trẻ được học tập theo chương trình giáo dục nhà trẻ hiện hành. - Tỷ lệ chuyên cần đạt: Trên 85%	- 100% trẻ được khám sức khỏe 2 lần/ năm - Cân đo trẻ 3 lần/ năm học (tháng 5 phối hợp với ngành y tế " Dự án cải thiện tình trạng dinh dưỡng" quốc gia đối với trẻ trên 60 tháng) - 100% trẻ được đánh giá tình trạng dinh dưỡng và theo dõi biểu đồ phát triển - 100% trẻ được học tập theo chương trình giáo dục mẫu giáo hiện hành theo hướng phát triển chủ đề. - 100% trẻ được chuẩn bị tốt các điều kiện cho trẻ lên lớp 1 ở trường phổ thông - Tỷ lệ chuyên cần đạt: trên 90%. Riêng trẻ 5 tuổi: trên 95% - Tỷ lệ bé ngoan đạt: trên 85 % Riêng trẻ 5 tuổi: trên 90%
II	**Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện**	Chương trình giáo dục nhà trẻ Chủ đề thực hiện: chủ đề/35 tuần	Chương trình giáo dục mẫu giáo Chủ đề thực hiện /35 tuần

Scanned with CamScanner

			Khối Lá: chủ đề Khối Chồi: chủ đề Khối Mầm: chủ đề
III	**Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển**	- Đạt từ 90% trở lên mục tiêu cần đạt cho trẻ từ 24 đến 36 tháng	- Đạt từ 90% trở lên mục tiêu cần đạt cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi.
IV	**Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non**	Cơ sở vật chất đầy đủ theo qui định hiện hành. Đáp ứng yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.	Cơ sở vật chất đầy đủ theo qui định hiện hành. Đáp ứng yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

Phú Cường, ngày 06 tháng 9 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỦ DẦU MỘT BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG MẦM NON HOA LAN

Trần Minh Châu

Scanned with CamScanner

Biểu mẫu 02
TT 36/2017/BGDĐT
TT 36/2017/BGDĐT

PHÒNG GDĐT TP THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG MẦM NON HOA LAN

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục mầm non thực tế,
Học kỳ 1 - năm học 2022 – 2023

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	**Tổng số trẻ em**	119	0	0	17	28	31	43
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	119	0	0	17	28	31	43
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	**Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú**	119	0	0	17	28	31	43
III	**Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe**	119	0	0	17	28	31	43
IV	**Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng**	119	0	0	17	28	31	43
V	**Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em**							
1	*Số trẻ cân nặng bình thường*	99			17	24	28	30
2	*Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân*	3				1	1	1
3	*Số trẻ có chiều cao bình thường*	113			17	25	29	42
4	*Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi*	6				3	2	1
5	*Số trẻ thừa cân béo phì*	11				0	2	9
VI	**Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục**							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	17			17			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	102				28	31	43

Scanned with CamScanner

Phú Cường, ngày 06 tháng 9 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

TRƯỜNG MẦM NON HOA LAN

Trần Minh Châu

Scanned with CamScanner

Biểu mẫu 03
TT 36/2017/BGDĐT

PHÒNG GDĐT TP THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG MẦM NON HOA LAN

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Tổng số phòng**	05	Số m^2/trẻ em
II	**Loại phòng học**		
1	Phòng học kiên cố	5	2 m^2/trẻ em
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
III	**Số điểm trường**	0	Trường tập trung 1 điểm chính
IV	**Tổng diện tích đất toàn trường** (m^2)	810.37 m^2	6.81
V	**Tổng diện tích sân chơi** (m^2)	277.2 m^2	2.33
VI	**Tổng diện tích một số loại phòng**	556 m^2	
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m^2)	42 m^2/ phòng	
2	Diện tích phòng ngủ (m^2)	0	Sử dụng chung phòng sinh hoạt
3	Diện tích phòng vệ sinh (m^2)	2 m^2/ phòng	
4	Diện tích hiên chơi (m^2)	6.84 m^2/ phòng	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m^2)	0	Sử dụng chung phòng sinh hoạt
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m^2)	m^2/ phòng	Sử dụng chung cho các lớp
7	Diện tích nhà bếp và kho (m^2)	64 m^2	0.54
VII	**Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)	5/5 nhóm lớp	Số bộ/ nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	05/05 lớp có đủ đồ chơi theo danh mục quy định	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu còn thiếu so với quy định	0	0
VIII	**Tổng số đồ chơi ngoài trời**	1 bộ	1 bộ cầu tuột bí nấm, bộ xoay 3 trục, 1 bộ xe vận động thông minh

Scanned with CamScanner

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
IX	**Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập** (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v…)		
1	Máy vi tính	5 máy	5 máy /5 lớp
2	Máy chiếu	1 máy	Sử dụng cho phòng hội trường
X	**Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác:**		Số thiết bị/ nhóm (lớp)
1	Ti vi	5 cái	1 cái /1 lớp
2	Nhạc cụ (Đàn ocgan)	7 cây	1 cây/ lớp
3	Máy photocopy	0 máy	
5	Catsset	0	
6	Đầu Video/đầu đĩa	0	
7	Thiết bị âm thanh (Ampli, thùng bass)	1 bộ	Sử dụng cho phòng hội trường, phòng âm nhạc, văn phòng
8	Bàn ghế đúng quy cách	60 bộ	Sử dụng theo si số lớp, 1 trẻ/ 1 ghế, 2 trẻ/ 1 bàn học.
9	Thiết bị phòng máy (bộ đồ chơi làm quen tiếng anh)	1 bộ (1 màn hình cảm ứng, 10 máy tính bảng, 3 bàn cảm ứng)	Dùng chung cho phòng máy
10	Màn hình tương tác, kèm máy tính để bàn	4 bộ	4 bộ/4 lớp MG

		Số lượng (m^2)				
XI	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		5		0.08 m^2/* trẻ
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0				

*(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng BGDĐT ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của*

Scanned with CamScanner

Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	x	
XIII	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	x	
XIV	**Kết nối internet (ADSL)**	x	
XV	**Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục**	x	
XVI	**Tường rào xây**	x	

Phú Cường, ngày 6 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG MẦM NON HOA LAN

Trần Minh Châu

Scanned with CamScanner

Biểu mẫu 04
TT 36/2017/BGDĐT

PHÒNG GDĐT TP THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG MẦM NON HOA LAN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, học kỳ 1 - năm học 2022 – 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc (Tốt)	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	17			10	2		5	1	4	6				
I	**Giáo viên**				7	2									
1	Nhà trẻ	2			2								2		
2	Mẫu giáo	7			5	2						3	4		
II	**Cán bộ quản lý**														
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1						1		1		
III	**Nhân viên**	6													
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên khác	5													
	..														

Phú Cường, ngày 06 tháng 9 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

TRƯỜNG MẦM NON HOA LAN

Trần Minh Châu

Scanned with CamScanner